ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 103 /KH-UBND	*Đắk Nông, ngày 02 tháng 3 năm 2021*

KẾ HOẠCH
Thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025 (Nghị quyết số 01/NQ-TU ngày 23/10/2020 của Tỉnh ủy), Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 (gọi tắt là Kế hoạch) như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm; nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong thực hiện chính sách việc làm; xác định đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động là trách nhiệm chung của các cấp, các ngành và bản thân người lao động.

- Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng việc làm; ứng dụng công nghệ thông tin trong kết nối thông tin cung cầu lao động; đảm bảo người lao động có khả năng làm việc, có nhu cầu tìm kiếm việc làm được tiếp cận thông tin thị trường lao động và được tư vấn giới thiệu việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.

- Chú trọng nâng cao năng lực của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN), nâng cao chất lượng đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; triển khai thực hiện tốt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025".

- Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động qua đào tạo nghề nghiệp và các cơ sở GDNN có sự gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp; nghiên cứu thành lập bộ phận hoạt động kiêm nhiệm của địa phương thực hiện việc kết nối giữa GDNN với doanh nghiệp để giúp doanh nghiệp thuận lợi tham gia vào hoạt động GDNN.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Tạo việc làm mới và việc làm tăng thêm cho trên 90.000 lượt người (trong đó tạo việc làm cho đồng bào dân thiểu số chiếm khoảng 30% so với tổng số

lao động được tạo việc làm của tỉnh). Số lao động tạo việc làm trong nước là 89.000 lượt người, số lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài là 1.000 người.

- Phân khai theo các Chương trình như sau:

+ Từ tư vấn, giới thiệu việc làm thông qua các Trung tâm Dịch vụ việc làm, các doanh nghiệp dịch vụ việc làm và các phiên giao dịch việc làm hàng năm tại các địa phương là 2.000 lượt người.

+ Từ nguồn vốn cho vay Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác là 15.155 người.

+ Từ xuất khẩu lao động 1.000 người.

+ Từ đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm 15.240 người.

+ Đi làm việc ngoại tỉnh 26.500 lượt người.

+ Tạo việc làm thông qua các chương trình, dự án, chính sách tại địa phương 30.105 lượt người.

- Khuyến khích các hình thức phát triển sản xuất kinh doanh tạo việc làm mới cho người lao động; đảm bảo phát triển thị trường lao động lành mạnh, ổn định, tạo ra nhiều việc làm, đưa lao động trong tỉnh đi làm việc tại các khu công nghiệp, đẩy mạnh xuất khẩu lao động, khuyến khích các hình thức tạo việc làm tại chỗ; giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị xuống 1,2%.

2.2. Đào tạo nghề cho trên 20.000 người; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 45% năm 2020 lên 57,5% năm 2025; ưu tiên đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động, chất lượng việc làm và giá trị lao động; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực, giảm tỷ lệ lao động trong nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động trong công nghiệp - xây dựng, thương mại và dịch vụ.

II. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

1. Tạo việc làm thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chính sách việc làm công

1.1. Nhiệm vụ

- Tạo việc làm thông qua các hoạt động, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội nhằm phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh với mục tiêu là ổn định số việc làm hiện có và tạo việc làm mới cho người lao động.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt chương trình, đề án về tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; tiếp tục triển khai hiệu quả 02 Đề án trọng điểm của ngành nông nghiệp, gồm: (1) Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, (2) Đề án quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; thu hút, hướng dẫn, hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai hiệu quả dự án đầu tư trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và phối hợp tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, trong triển khai thực hiện dự án, trong đó trọng tâm là tháo gỡ những khó khăn của các dự án lớn, trọng điểm, có sự lan tỏa, có đóng góp lớn đối với tăng trưởng kinh tế - xã hội, tác động lớn đến sự việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của ngành, lĩnh vực. Tăng cường thu hút đầu tư vào khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp để ổn định sản xuất; tạo điều kiện và khuyến khích các doanh nghiệp chủ động xây dựng chiến lược sản xuất, kinh doanh, tìm kiếm và phát triển thị trường; phát triển hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, khuyến khích phát triển các loại hình thương mại; phát triển kinh tế đối ngoại, khai thác tốt các lợi thế về phát triển kinh tế cửa khẩu, phát triển du lịch theo hướng bền vững.

- Triển khai mạnh mẽ, đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện hiệu quả Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm".

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, trọng tâm là Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Chiến lược công tác dân tộc của tỉnh giai đoạn 2021-2025; xây dựng kế hoạch thực hiện các công tác di dân và ổn định dân cư tại các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách việc làm công theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Thông tư số 11/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 61/2015/NĐ-CP về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm về chính sách việc làm công, thông qua các dự án hoặc hoạt động sử dụng vốn nhà nước gắn với các chương trình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn cấp xã.

- Lồng ghép triển khai các chính sách hỗ trợ tạo việc làm, thông tin thị trường lao động với chương trình dự án phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Ưu tiên triển khai tại các xã phấn đấu thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

1.2. Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các cấp.

1.3. Cơ quan, đơn vị tham mưu, phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Công Thương, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính; Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Hỗ trợ tạo việc làm thông qua Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

2.1. Nhiệm vụ

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn cho vay hỗ trợ việc làm, xác định nhu cầu vay vốn tạo việc làm để cân đối điều chỉnh nguồn vốn cho vay phù hợp. Ưu tiên cho vay vốn tạo việc làm đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động; các dự án tạo việc làm ở vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp; chuyển đổi nghề nghiệp việc làm cho người lao động ở nông thôn; thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp; lao động nữ, lao động chấp hành xong án phạt tù... để tạo nhiều việc làm ổn định và chất lượng.

- Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến Nhân dân; hướng dẫn cho vay đúng đối tượng, sử dụng vốn vay đúng mục đích và quản lý, giám sát thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa những tiêu cực có nguy cơ xảy ra, chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại hạn chế phát sinh. Đảm bảo quy trình chặt chẽ trong các khâu thẩm định, xét duyệt việc sử dụng nguồn vốn, hạn chế tới mức thấp nhất tỷ lệ nợ quá hạn góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm.

2.2. Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội các huyện, thành phố.

2.3. Cơ quan, đơn vị phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính; các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; UBND các huyện, thành phố, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố.

3. Phát triển thị trường lao động, nâng cao hiệu quả kết nối cung - cầu lao động

3.1. Nhiệm vụ

- Khuyến khích các thành phần kinh tế huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch để tạo việc làm cho người lao động.

- Khảo sát, dự báo nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn; tiếp tục khai thác mở rộng thị trường lao động sang các tỉnh bạn có nhu cầu lao động lớn; thường xuyên đăng tải thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, tổ chức trên Website của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh và qua các phương tiện thông tin đại chúng; hàng quý thông báo nhu cầu tuyển dụng lao động để phổ biến đến người dân.

- Tổ chức các hoạt động giao dịch việc làm phù hợp với từng địa bàn, trên cơ sở đề xuất của các huyện, thành phố để tạo điều kiện cho người lao động, đặc biệt là thanh niên, người khuyết tật, phụ nữ khu vực nông thôn, lao động các xã biên giới được tiếp cận nắm bắt thông tin về việc làm, thị trường lao động từ đó định hướng được nghề nghiệp và lựa chọn ngành nghề phù hợp với khả năng và nguyện vọng.

- Thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động; tổng hợp kết quả thực hiện chỉ tiêu tạo việc làm tăng thêm làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp tạo việc làm cho người lao động.

3.2. Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện, thành phố, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố; Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh.

3.3. Cơ quan, đơn vị phối hợp: Sở Tài chính, các Sở, Ban, ngành liên quan; các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các doanh nghiệp.

4. Hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

4.1. Nhiệm vụ

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm để người lao động có nhu cầu tham gia xuất khẩu lao động được hưởng thụ chính sách đầy đủ, kịp thời.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến các chính sách về người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; thông tin thị trường lao động ngoài nước và những doanh nghiệp được phép hoạt động xuất khẩu lao động trên địa bàn tỉnh đến người dân để nắm rõ thông tin tuyển chọn lao động, ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực xuất khẩu lao động và phòng tránh thiệt hại cho người lao động.

- Phối hợp với các doanh nghiệp tư vấn tuyên truyền, tuyển chọn người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; khảo sát nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để phân loại tổ chức đào tạo nghề, ngoại ngữ phù hợp với đối tượng và thị trường tiếp nhận lao động; rà soát số lượng đi làm việc ở nước ngoài sau khi hoàn thành hợp đồng trở về nước, hỗ trợ, tổ chức tư vấn giới thiệu việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.

- Nghiên cứu kỹ thị trường lao động Hàn Quốc để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét việc ký kết xuất khẩu lao động cấp tỉnh với địa phương của Hàn Quốc.

- Tăng cường công tác tuyên truyền vận động người lao động làm việc ở nước ngoài hoàn thành hợp đồng về nước đúng thời hạn; không để xảy ra tình trạng lao động của tỉnh Đắk Nông cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc và các nước.

- Hướng dẫn cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đảm bảo đúng đối tượng, bảo toàn vốn, công khai, minh bạch.

4.2. Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh; UBND các huyện, thành phố.

4.3. Cơ quan, đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, Sở Y tế, Sở Tài chính; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh; Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Nông, Báo Đắk Nông; các doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu lao động.

5. Hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ngoài tỉnh

5.1. Nhiệm vụ

- Chủ động liên hệ, tìm kiếm các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động phổ thông có ngành nghề phù hợp, môi trường làm việc tốt, lương và các chế độ phúc lợi ổn định để tư vấn, giới thiệu và chắp nối cho người lao động.

- Hỗ trợ hướng dẫn người lao động hoàn thiện thủ tục hồ sơ, tập trung lao động, liên hệ doanh nghiệp đưa người lao động đến công ty làm việc an toàn.

- Giúp người lao động có thêm động lực tìm kiếm việc làm mới, đi làm việc ngoài tỉnh góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

5.2. Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

5.3. Cơ quan, đơn vị phối hợp: UBND các huyện, thành phố; Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh; các doanh nghiệp tuyển dụng lao động.

6. Phát triển giáo dục nghề nghiệp

Xây dựng mạng lưới GDNN theo hướng mở, linh hoạt, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo gắn với giải quyết việc làm; tiếp tục quan tâm tập trung đầu tư, phát triển đồng bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề, đảm bảo tiêu chuẩn về cơ sở vật chất và danh mục thiết bị đào tạo nghề tối thiểu cho các nghề theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bằng nhiều nguồn lực như: Ngân sách địa phương; hỗ trợ từ ngân sách Trung ương; huy động các nguồn lực từ doanh nghiệp và xã hội; từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị của các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh.

III. GIẢI PHÁP

1. Chính quyền các cấp trong tỉnh phối hợp các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tham mưu cấp ủy quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về tầm quan trọng của công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm đối với

sự phát triển kinh tế - xã hội. Đưa nội dung đào tạo nghề và giải quyết việc làm vào các nhiệm vụ trọng tâm của ngành, địa phương, lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Từng Sở, Ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung do đơn vị chủ trì và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị phối hợp để đạt chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra.

2. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác xuất khẩu lao động trên địa bàn tỉnh; cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh phải xác định công tác giải quyết việc làm và đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; thực hiện lồng ghép tuyên truyền phổ biến các quy định về việc làm, xuất khẩu và chính sách hỗ trợ tạo việc làm với các hình thức phù hợp với địa bàn và nguồn lực của từng địa phương.

3. Gắn công tác đào tạo nghề với giải quyết việc làm và phù hợp với định hướng phát triển các lĩnh vực, các ngành kinh tế của huyện, thành phố, theo vùng và cả nước; các chương trình dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội tại địa phương phải gắn với chỉ tiêu tạo việc làm; thực hiện tốt chính sách việc làm công theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP của Chính phủ, chính quyền cấp xã làm chủ đầu tư có trách nhiệm bố trí nguồn nhân lực địa phương trực tiếp tham gia triển khai thực hiện.

4. Thực hiện tốt việc cập nhật, phân tích dự báo thị trường lao động để định hướng nghề nghiệp và việc làm, nâng cao số lượng và chất lượng việc làm; phát triển mạng thông tin về việc làm, cơ sở dữ liệu người tìm việc - việc tìm người của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh; thường xuyên trao đổi thông tin, nắm tình trạng việc làm và thu nhập của người lao động.

5. Chú trọng giải quyết việc làm cho người lao động thuộc đối tượng yếu thế như người khuyết tật, lao động nữ, người chấp hành xong án phạt tù, lao động các xã biên giới để góp phần ổn định an ninh trật tự tại địa phương; tuyên truyền, vận động, ngăn ngừa người lao động vượt biên trái phép để đi làm việc ở nước ngoài.

6. Khảo sát nhu cầu việc làm của người lao động để đảm bảo người lao động thiếu việc làm có nhu cầu việc làm được tư vấn giới thiệu việc làm phù hợp với khả năng và nguyện vọng; rà soát nhu cầu vay vốn tạo việc làm để các đối tượng thật sự có nhu cầu, được thụ hưởng nguồn vốn vay ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất, hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện các nội dung hoạt động của công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh.

8. Triển khai đồng bộ các giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng GDNN

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng

nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới.

- Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở GDNN xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, tổ chức và nhân sự đối với các cơ sở GDNN theo quy định của pháp luật.

- Triển khai tổ chức đào tạo các ngành nghề trọng điểm trên địa bàn tỉnh trong từng giai đoạn cho phù hợp với thực tế địa phương để làm cơ sở đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

- Chú trọng đổi mới công tác tuyển sinh, đáp ứng yêu cầu đặt ra trong điều kiện mới. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025 của tỉnh.

- Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa sự nghiệp GDNN, có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đặt hàng đào tạo của các cơ sở GDNN; đồng thời triển khai hợp tác giữa các doanh nghiệp và cơ sở GDNN trên địa bàn.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về GDNN, kiểm tra việc thực hiện chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo và chức danh lãnh đạo quản lý GDNN; hướng dẫn, chỉ đạo việc quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí để thực hiện Kế hoạch được bố trí từ các nguồn vốn: Đầu tư phát triển, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Ngân sách địa phương

- Ngân sách cấp tỉnh: Kinh phí tập huấn, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc làm trích từ tiền lãi quỹ quốc gia về việc làm đã được phân bổ cho các đơn vị theo Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND tỉnh;

- Ngân sách các huyện, thành phố: Bố trí kinh phí thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin thị trường lao động (cung - cầu lao động) và kinh phí thực hiện các hoạt động công tác việc làm và xuất khẩu lao động của huyện, thành phố để đảm bảo thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu tạo việc làm của địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công trách nhiệm

1.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với Sở, Ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm.

- Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh tổ chức, nâng cao hiệu quả các hoạt động giao dịch việc làm, thông tin thị trường lao động, cung ứng và giới thiệu việc làm.

- Hướng dẫn, theo dõi các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện bảo đảm các chỉ tiêu tại Kế hoạch.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh và báo cáo cấp trên theo quy định.

1.2. Sở Kế hoạch - Đầu tư: Phối hợp xây dựng chính sách, lồng ghép chương trình giải quyết việc làm với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hướng dẫn các huyện, thành phố xây dựng, triển khai thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội phải đảm bảo có chỉ tiêu tạo việc làm.

1.3. Sở Tài chính: Cân đối, tham mưu cấp có thẩm quyền về kinh phí thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

1.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Hàng năm, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, tổng hợp nhu cầu và kinh phí đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố cập nhật, bổ sung, điều chỉnh chương trình, giáo trình đào tạo cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và nhu cầu của người học.

- Tổ chức thực hiện việc kiểm tra, giám sát đánh giá công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

1.5. Sở Thông tin và Truyền thông: Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

1.6. Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Nông; Báo Đắk Nông: Tăng thời lượng phát sóng, đưa tin, bài, hình ảnh; nhân rộng các mô hình mới, cách làm hay, gương điển hình về công tác giải quyết việc làm và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

1.7. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: Thực hiện tốt việc hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định, giải ngân, thu hồi nguồn vốn giải quyết việc làm và vốn cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo đúng quy định.

1.8. Các Sở, Ban, ngành liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các ngành liên quan của tỉnh và các địa phương trong tổ chức thực hiện Kế hoạch.

1.9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Chủ động phối hợp với các ngành tham gia triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch; hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị các huyện, thành phố vận động Nhân dân, hội viên, đoàn viên tích cực tham gia thực hiện có hiệu quả Kế hoạch tại địa phương.

1.10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm giai đoạn 2021-2025 và hàng năm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và theo chỉ tiêu tại Kế hoạch; chỉ đạo, đôn đốc các cơ chuyên môn triển khai thực hiện đạt chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch này. Chú trọng chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giải pháp đột phá về phát triển kinh tế của địa phương; chủ động phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, Ban, ngành liên quan triển khai thực hiện; bố trí kinh phí thực hiện có hiệu quả, đảm bảo thực hiện đạt chỉ tiêu về giải quyết việc làm.

2. Chế độ thông tin báo cáo

- Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, định kỳ báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) về tình hình thực hiện Kế hoạch. Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 15/5 và báo cáo năm yêu cầu gửi trước ngày 15/11 hàng năm.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổng hợp báo cáo chung về kết quả thực hiện Kế hoạch và gửi UBND tỉnh theo định kỳ, báo cáo 6 tháng trước ngày 30/5 và báo cáo năm trước ngày 30/11 hàng năm./.

***Nơi nhận*:**
- Bộ LĐ-TB&XH (B/c);
- TT. Tỉnh ủy (B/c);
- TT. HĐND (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH Đắk Nông;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX (Hp).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tôn Thị Ngọc Hạnh

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông
Email: ubnd@daknong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đắk Nông
Thời gian ký: 02.03.2021 10:18:54 +07:00

BIỂU GIAO CHỈ TIÊU GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Người

STT	Tên huyện, thành phố	Chỉ tiêu giải quyết việc làm bình quân hàng năm giai đoạn 2021-2025	Chỉ tiêu giải quyết việc làm giai đoạn 2021-2025	Trong đó: Chia theo kênh, chương trình					
				Xuất khẩu lao động	Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng CSXH	Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm	Đi làm việc ngoài tỉnh	Tạo việc làm thông qua các Trung tâm DVVL, các phiên giao dịch việc làm tại các địa phương (Phối hợp với các Trung tâm DVVL)	Tạo việc làm thông qua các chương trình, dự án tại địa phương (tạo việc làm trong các cơ quan, doanh nghiệp, từ việc làm công, nông thôn mới, các chương trình, dự án tại địa phương,...)
1	Thành phố Gia Nghĩa	1.800	9.000	100	2.000	1.640	2.500	260	2.500
2	Huyện Cư Jút	2.600	13.000	125	1.655	1.950	4.000	270	5.000
3	Huyện Đắk Mil	4.000	20.000	340	4.000	3.000	6.000	300	6.360
4	Huyện Đắk Song	2.500	12.500	100	2.000	1.850	4.000	250	4.300
5	Huyện Đắk R'Lấp	2.300	11.500	125	1.850	2.500	3.500	270	3.255
6	Huyện Krông Nô	2.000	10.000	100	1.650	1.850	2.500	250	3.650
7	Huyện Tuy Đức	1.200	6.500	60	1.000	1.200	2.000	200	2.040
8	Huyện Đắk Glong	1.600	7.500	50	1.000	1.250	2.000	200	3.000
	Toàn tỉnh	**18.000**	**90.000**	**1.000**	**15.155**	**15.240**	**26.500**	**2.000**	**30.105**